

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2024 - 2025

Tại Trường Đại học Quảng Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT- BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Theo đề nghị của Phòng Kế hoạch, tài chính và Quản lý đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với sinh viên, học viên các hệ đào tạo năm học 2024-2025 theo phương thức tín chỉ của Trường Đại học Quảng Bình, cụ thể:

1. Đại học hệ chính quy, chương trình 2:

- Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên: 418.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật: 418.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: 486.000đồng/tín chỉ;

- Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường: 444.000đồng/tín chỉ.

2. Đại học hệ liên thông chính quy:

- Khối ngành I; khối ngành III: 460.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành V: 535.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành VII: 488.000đồng/tín chỉ.

3. Đại học hệ vừa làm, vừa học:

- Khối ngành I; khối ngành III: 502.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành V: 583.000đồng/tín chỉ;
- Khối ngành VII: 533.000đồng/tín chỉ.

(Hệ số áp dụng: Đại học:1; Cao đẳng: 0,8)

Điều 2: Học phí của sinh viên thu theo số tín chỉ sinh viên đăng ký học từng học kỳ.

Điều 3: Trưởng các đơn vị: Kế hoạch tài chính và QLĐT, Đào tạo và quản lý sinh viên; Trưởng các khoa, Viện, Trung tâm, bộ môn và sinh viên căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký ./.

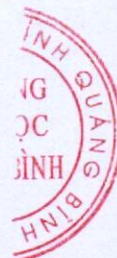
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HT và PHT;
- Sở tài chính; (để BC)
- Đăng tải Website của Trường;
- Lưu: VT, KHTC&QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Vượng



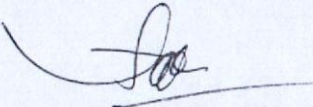
BẢNG TÍNH MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2024-2025

(Thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ ; Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ)

TT	Trình độ, nhóm ngành, đào tạo	Mức học phí NH 2024-2025 theo Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (đ/sv/tháng)	Mức học phí nhà trường (đ/sv/tháng)	Thực hiện tại trường ĐHQB			Ghi chú
				Chương trình đào tạo tín chỉ/khóa học (số tín chỉ)	Thời gian đào tạo (năm)	Mức thu học phí theo tín chỉ học (đồng/tín chỉ)	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Đại học						
1	Khối ngành I: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	1.410.000	1.410.000	135	4	418.000	Sư phạm
2	Khối ngành III: Kinh doanh và quản lý, pháp luật	1.410.000	1.410.000	135	4	418.000	
3	Khối ngành V: Toán và thống kê, máy tính và công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y	1.640.000	1.640.000	135	4	486.000	
4	Khối ngành VII: Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường	1.500.000	1.500.000	135	4	444.000	
II	Cao Đẳng Sư phạm	Mức học phí bằng 0,8 mức học phí hệ Đại học theo từng nhóm ngành					


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
QUẢNG BÌNH
PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng

Quảng Bình, ngày tháng 8 năm 2024
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN


Lê Thị Hải Vân